| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 313/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Châu Thị Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Võ Quang Cảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 507/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; nơi cư trú: 300/34/37/12 Nguyễn Văn L, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Lê Như Trúc P, sinh năm 1984; nơi cư trú: 2/216B Main Road East, S, Victoria 3021, A (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Có bà Dương Thị Tuyết D - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án - văn bản uỷ quyền đã được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 17/12/2018.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông và bà Lê Như Trúc Phương tự nguyện đăng ký kết hôn số 108 ngày 07/9/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bà P đang định cư tại Mỹ, ông T ở Việt Nam. Khoảng cách địa lý làm cho vợ chồng dần xa cách, ít liên lạc, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung; Nguyễn Lê Đan T, sinh ngày 02/11/2007; Nguyễn Lê Khả T, sinh ngày 19/5/2011. Ông đồng ý để bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Lê Như Trúc P trong văn bản có xác nhận chữ ký ngày 27/9/2018 của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia trình bày: bà thống nhất nội dung ông T trình bày. Bà đồng ý ly hôn. Về con chung: bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai trẻ: Nguyễn Lê Đan T, sinh ngày 02/11/2007; Nguyễn Lê Khả T, sinh ngày 19/5/2011. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Minh T yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Bà Lê Như Trúc P hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Như Trúc Pcó đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Minh T xác định tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/12/2018, chữ ký của bà Lê Như Trúc P đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung ủy quyền bà đã uỷ quyền cho bà Dương Thị Tuyết D được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian đưa vụ án ra xét xử đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà Phương không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà ông T đã cung cấp ngày 17/12/2018.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2019, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 01/4/2019. Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Như Trúc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, ông T đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của bà Phương xác định đồng ý ly hôn; đồng ý việc được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Như Trúc Phương đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông T và bà P không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: sự thoả thuận của bà P, ông T về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ T, Thanh đã được ghi nhận ngày 17/12/2018 nên giao cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai trẻ Nguyễn Lê Đan Thanh, sinh ngày 02/11/2007; Nguyễn Lê Khả T, sinh ngày 19/5/2011. Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ông T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh T.

a) Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Như Trúc P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2007 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Lê Đan T, sinh ngày 02/11/2007 và Nguyễn Lê Khả T, sinh ngày 19/5/2011. Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông Nguyễn Minh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của trẻ chưa thành niên, việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0045672 ngày 19/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Lê Như Trúc P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND P Tân Chánh Hiệp, Q12;
- Lưu: VT, HS (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Điệp**